

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 151 /QĐ-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và Biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for Learning Promotion.
3. Tên viết tắt theo tiếng Anh: VALP.
4. Biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khuyến học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội, tập hợp các lực lượng xã hội và công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước và nước ngoài tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập khu vực và quốc tế.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Khuyến học Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Hội Khuyến học Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội và Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Trụ sở tại Hà Nội:

Tầng 13, Cung Trí thức Thành phố, Số 1 Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 043.7726.151, Fax: 043.7726.152;

Email : khuyenhocvn@gmail.com

Website : www.hoikhuyenhoc.vn

Địa chỉ Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh:

Nhà 91/2 Trần Quốc Hoàn, Phường 4, Quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh,

Điện thoại : 083.8118.507; Fax: 083.8118.466

Email : khuyenhocvp2@gmail.com

Điều 4. Phạm vi lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, các bộ, ngành có liên quan đến các hoạt động khuyến học của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội được tham gia làm thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động.

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến Pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền sâu rộng tôn chỉ mục đích hoạt động của Hội trong xã hội, vận động các tổ chức, các lực lượng xã hội và công dân Việt Nam tham gia thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội,

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên theo đúng tôn chỉ, mục đích của Hội.

4. Nâng cao năng lực hoạt động khuyến học, khuyến tài; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chủ trương, chương trình, dự án giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan

đến Hội theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước; tổ chức các hình thức giáo dục cho mọi người thông qua hệ thống giáo dục không chính quy, tạo điều kiện và cơ hội để người dân được học tập suốt đời.

6. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

7. Được giao lưu, hợp tác với các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội, không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc.

2. Liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trên phạm vi cả nước.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên và các lực lượng xã hội đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài thực hiện công bằng xã hội và tạo cơ hội cho mọi công dân được học tập thường xuyên, học suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

4. Khuyến khích người lao động có sáng kiến đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước; hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo, phần thưởng cho học sinh giỏi có thành tích cao trong học tập và tu dưỡng.

5. Phát triển các hình thức dịch vụ học tập để hỗ trợ và khuyến khích việc học tập của thế hệ trẻ và người đã trưởng thành theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoạch định chính sách tạo động lực cho các hoạt động khuyến học của Hội.

7. Thúc đẩy quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm và học tập lẫn nhau về đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hội thảo, hội nghị, tham quan học tập, tư vấn và cung ứng dịch vụ đào tạo.

8. Tài chính của Hội được sử dụng đúng mục đích khuyến học, khuyến tài, nguyên tắc công khai, minh bạch.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức (hội viên cá nhân, hội viên tổ chức).

- Hội viên cá nhân: Là công dân Việt Nam sinh sống trong nước và ngoài nước có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội;

- Hội viên tổ chức: Là Hội khuyến học hoạt động ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức liên quan đến khuyến học, trường học được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội.

- Hội viên chính thức của Hội được cấp thẻ Hội viên và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

b) Hội viên danh dự.

Công dân, và các tổ chức có đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội, được Hội suy tôn là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức.

Là công dân Việt Nam (kể cả người có quốc tịch Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài), các tổ chức Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực khuyến học được thành lập hợp pháp tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia hội phải là công dân Việt Nam.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia góp ý xây dựng các chủ trương và các kế hoạch công tác của Hội, được kiến nghị, đề xuất ý kiến với tổ chức Hội về những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo của Hội theo Điều lệ của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và được Hội đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

7. Được quyền ra khỏi Hội một cách tự nguyện.

8. Hội viên danh dự được hưởng các quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo Hội, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Hội các Nghị quyết của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được các tổ chức Hội giao.

3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

5. Đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội.

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

Tổ chức, công dân đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Điều lệ này nếu có nguyện vọng làm hội viên của Hội thì được Ban Chấp hành xem xét để kết nạp làm hội viên của Hội.

Hồ sơ gia nhập gồm:

a) Đơn xin gia nhập (theo mẫu);

b) Bản sao Điều lệ, các quy định của tổ chức xin gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

c) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức;

d) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của Hội;

đ) Đóng hội phí theo quy định;

e) Đối với cá nhân nếu có nguyện vọng tham gia làm hội viên của Hội tuân thủ theo quy định tại Điểm a, d và đ Khoản 1 Điều này;

g) Ban Chấp hành quy định thể thức gia nhập, xem xét, quyết định công nhận hội viên của Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định;

b) Đối với uỷ viên Ban Chấp hành, muốn xin ra khỏi Hiệp hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất. Ban Chấp hành sẽ xem xét, quyết định;

c) Trước khi ra khỏi Hội uỷ viên Ban Chấp hành và hội viên phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành uỷ nhiệm;

d) Uỷ viên Ban Chấp hành không tham dự liên tục ba kỳ họp Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng thì mặc nhiên bị xoá tên trong danh sách Ban Chấp hành đồng thời vẫn phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội;

đ) Hội viên vi phạm pháp luật, làm trái Điều lệ Hội, hoặc mắc sai lầm nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội, sẽ bị xoá tên danh sách hội viên của Hội.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Số lượng, cơ cấu thành phần đại biểu dự Đại hội gồm Ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm là đại biểu đương nhiên, đại biểu bầu của Đại hội các Hội Khuyến học tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại biểu chỉ định (nếu có).

4. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;
- b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (nếu có sửa đổi, bổ sung);
- c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo Tài chính của Hội;
- d) Bầu Ban Chấp hành;
- đ) Bầu Ban Kiểm tra;
- e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức hoặc hội viên chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành;

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban

Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung không quá 1/4 (một phần tư) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

b) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai nhiệm kỳ;

c) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

d) Quyết định cơ cấu, tổ chức các bộ phận giúp việc cho Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; quy chế quản lý sử dụng con dấu; quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy chế khác của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế đã được Đại hội nhiệm kỳ thông qua;

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định có hiệu lực thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, điều hành hoạt động của Hội giữa hai nhiệm kỳ Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường hoặc họp chuyên đề khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định có hiệu lực thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm:

a) Chủ tịch Hội;

b) Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký;

c) Các Phó Chủ tịch chuyên trách (là những người hoạt động chuyên trách);

d) Chánh Văn phòng Hội;

đ) Các Trưởng Ban của Hội (Ban Phong trào, Tổ chức - Cán bộ, Thông tin - Tuyên truyền, Quản lý các Trung tâm).

2. Thường trực Hội hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ ban hành.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực:

a) Chuẩn bị nội dung các hội nghị của Ban Thường vụ, giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các hội nghị của Ban Chấp hành giữa hai kỳ Đại hội;

b) Giúp Ban Thường vụ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Thường xuyên tập hợp ý kiến, kiến nghị của hội viên và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước;

d) Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội;

đ) Quản lý bộ máy ở cơ quan văn phòng Hội;

e) Giữ mối quan hệ phối hợp công tác với cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, trong và ngoài nước;

g) Thường trực họp thường kỳ mỗi tháng một lần, họp chuyên đề hoặc bất thường khi cần thiết.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra.

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Hội của các tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính của Hội, giúp cơ quan quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy chế, công khai minh bạch, tiết kiệm.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế tổ chức, bộ máy và hoạt động do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước Hội và trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội là ủy viên Ban Thường vụ, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ban Chấp hành về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Cùng Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký.

2. Phó Chủ tịch.

- Phó Chủ tịch Hội là ủy viên Ban Thường vụ, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch Hội kiêm Tổng thư ký giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác, quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và thường trực giải quyết những công việc chung hàng ngày của Hội. Thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong trường hợp được Chủ tịch Hội phân công hoặc khi vắng mặt.

Các Phó Chủ tịch gồm:

- Phó Chủ tịch chuyên trách (người hoạt động chuyên trách);
- Phó Chủ tịch không chuyên trách.

Các Phó Chủ tịch chuyên trách và không chuyên trách là người giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội

1. Việc thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn do Chủ tịch Hội quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Văn phòng, các Ban chuyên môn là những bộ phận giúp việc Ban Thường vụ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực; hoạt động theo quy chế hoạt động do Ban Thường vụ Hội phê duyệt.

3. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội do Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hội chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Chương VI **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Kinh phí được cấp thực hiện các chương trình, đề án, dự án do Nhà nước giao;
- Các khoản thu do hoạt động tư vấn, dịch vụ của các Hội;
- Tài trợ của cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính thường xuyên của Hội;
- Chi thuê trụ sở, mua sắm tài sản phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách và phúc lợi đối với người hoạt động chuyên trách của Cơ quan văn phòng Hội theo quy định của Ban Thường vụ Hội;
- Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Đại hội và các hội nghị thường kỳ của Văn phòng Hội;
- Chi khen thưởng và chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội bao gồm: Bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, hoặc do các cá nhân, tổ chức trong nước hoặc nước ngoài hiến, tặng

theo quy định của pháp luật; tài sản có được do ngân sách Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia tách, sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Các tổ chức, đơn vị, cán bộ, hội viên có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội; các tập thể, cá nhân tích cực hoạt động, tham gia ủng hộ có hiệu quả cho phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét khen thưởng hoặc được Hội đề nghị Nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

Những cá nhân có quá trình công tác, cống hiến cho sự nghiệp phát triển khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khuyến học”.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Các tổ chức, đơn vị, cán bộ, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì chịu kỷ luật theo các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải

được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số hội viên chính thức là đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Khuyến học Việt Nam toàn quốc lần thứ V, nhiệm kỳ 2016 - 2021 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2016 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khuyến học Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./. *M*

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Sao y bản chính

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký



GS.TS Phạm Tất Dong

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn